

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2017
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN – CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Công Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bế Nhật Độ

2. Bà: Bế Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Minh Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bế Thị Ánh T**; sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Lục Quốc H**; sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2017 và Bản tự khai ngày 02/8/2017, nguyên đơn chị Bế Thị Ánh T trình bày: Chị và anh Lục Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có tình cảm, được cả hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn ngày 30/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống

hòa thuận hạnh phúc nhưng đến tháng 10/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, luôn đối lập về tính cách và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung, chị T xác nhận vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung, chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ chung. Để chứng minh, chị T đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ gồm Giấy chứng minh nhân dân, Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ hộ khẩu.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2017, anh Lục Quốc H là bị đơn không có yêu cầu phản tố nhưng anh không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn. Về thời gian, điều kiện kết hôn anh H thừa nhận đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 01/2017 do anh H phải chuyển công tác từ huyện T ra Thành phố C. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung, tài sản chung và vay nợ chung, anh H thừa nhận những nội dung mà chị T đã khai là chính xác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp và hòa giải hai lần nhưng bị đơn anh H đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, để bảo vệ quyền lợi của đương sự, Thẩm phán đã áp dụng biện pháp thu thập chứng cứ Lấy lời khai của đương sự. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2017, anh H không yêu cầu tiến hành hòa giải lại và sau đó có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án; đồng thời anh vẫn giữ nguyên những nội dung đã khai trong biên bản và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng **Khoản 1 Điều 56, Điều 57** của Luật hôn nhân và gia đình; **Khoản 4 Điều 147** BLTTDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh H, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có tình cảm, được cả hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn ngày 30/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ nhau và đã ly thân từ đó đến nay. Theo chị T, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, luôn đối lập về tính cách và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh H cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống và xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí theo yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Tuy nhiên, anh H đã không chứng minh được việc anh tích cực, chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng; trong điều kiện vợ chồng ly thân do yêu cầu của nghề nghiệp nhưng anh H thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với chị T. Chính vì vậy làm cho chị T cảm thấy bị áp lực nặng nề, tình cảm vợ chồng rạn nứt, không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể khắc phục được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" để giải quyết và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung, chị T và anh H cùng xác nhận vợ chồng không có con chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị T và anh H cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 362/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 147 BLTTDS năm 2015.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bé Thị Ánh T đối với anh Lục Quốc H. Chị Bé Thị Ánh T và anh Lục Quốc H được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bé Thị Ánh T và anh Lục Quốc H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Chị Bé Thị Ánh T và anh Lục Quốc H không có con chung nên Toà án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung:

Chị Bé Thị Ánh T và anh Lục Quốc H cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ chung nên xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Bé Thị Ánh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AB/2012/02163 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Công Hưng